TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2022
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Hữu Phước

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Kim T, sinh năm 1998; (vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tấn A, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn A tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/08/2018. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bất đồng về tiền bạc, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến cuối năm 2020, chị và anh A chính thức sống ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân, hai bên cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phan Tấn L, sinh ngày 05/12/2017 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn A không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục*: Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tống đạt các văn bản cho đương sự, gởi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phan Tấn L, sinh ngày 05/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Phan Thị Kim T và anh Nguyễn Tấn A kết hôn năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị T và anh A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn cùng anh A. Kết quả xác minh tại địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn giữa chị T và anh A, tuy nhiên, qua việc anh A biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ anh A không có thiện chí hàn gắn cùng chị T. Mặc khác, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai cũng không thể hàn gắn. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh A có 01 con chung tên Nguyễn Phan Tấn L, sinh ngày 05/12/2017, hiện đang sống cùng chị T. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị T là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của cháu L. Do đó, HĐXX chấp

nhận giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không tự nguyện yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên được HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Kim Ta phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Phan Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Kim T có quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Phan Tấn L, sinh ngày 05/12/2017. Ghi nhận việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào biên lai thu tiền số 0003158 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Huyền Nhung